

Vietnam Daily Review

Tăng điểm tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/6/2022	•		
Tuần 6/6-10/6/2022		•	
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một phiên giao dịch giằng co, VN-Index đã chính thức kết phiên vượt ngưỡng 1300 sau nhiều ngày chinh phục không thành công. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/19 ngành tăng điểm, trong đó đà tăng mạnh nhất đến từ ngành Hóa chất và Dịch vụ tài chính. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Trong phiên hôm nay thị trường bật lên nhưng thanh khoản lại sụt giảm, vì vậy nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng. Chỉ số có thể sẽ tích lũy thêm tại vùng 1300 trong những phiên tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Mức biến động hiện tại của VN30 phù hợp để các nhà đầu tư thực hiện chiến lược giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 08/06/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): GVR_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **15.56** điểm, đóng cửa **1307.91** điểm. HNX-Index **6.78** điểm, đóng cửa **310.93** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.87)**, **VPB (+1.57)**, **MBB(+0.98)**, **TCB (+0.95)**, **BID (+0.90)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.08)**, **GAS (-0.52)**, **HPG (-0.33)**, **VHC (-0.26)**, **FPT (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 15.677 tỷ đồng, giảm **4.76%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16.757 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 22.51 điểm. Thị trường có **389** mã tăng, 39 mã tham chiếu và **80** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **270.08 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **DPM (84.48 tỷ)**, **MSN (84.02 tỷ)**, **GAS (65.35 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-14.79 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1307.91**
Giá trị: 15677.29 tỷ **16.56 (1.28%)**
Khối ngoại (ròng): 270.08 tỷ

HNX-INDEX **310.93**
Giá trị: 1907.13 tỷ **6.78 (2.23%)**
Khối ngoại (ròng): -14.79 tỷ

UPCOM-INDEX **95.00**
Giá trị: 1.1 tỷ **1.31 (1.4%)**
Khối ngoại(ròng): 61.21 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	120.2	0.66%
Giá vàng	1,848	-0.24%
Tỷ giá USD/VND	23,191	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	24,764	-0.28%
Tỷ giá JPY/VND	17,363	-0.78%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	17.11%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DPM	84.5	HPG	-182.4
MSN	84.0	NVL	-45.5
GAS	65.4	MWG	-36.4
DCM	55.3	E1VFN30	-32.0
PNJ	39.5	VIC	-24.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 08/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	119.41	0.77%	4.13%	17.33%	70.90%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	120.68	1.07%	4.39%	15.37%	67.10%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	4.16	-0.84%	6.17%	17.80%	87.37%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1851.76	0.58%	0.80%	-0.12%	-2.17%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	22.20	0.66%	3.09%	1.88%	-19.67%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1728.25	1.71%	2.67%	9.02%	9.38%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1071.75	-1.94%	-1.45%	-1.92%	56.46%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.43	-0.12%	-3.06%	-1.37%	43.54%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	259.40	0.19%	3.35%	4.98%	5.92%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.97	-3.02%	-2.22%	1.66%	7.11%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.69	0.00%	0.75%	-3.93%	4.26%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	232.15	-2.27%	0.39%	12.53%	47.21%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.45	-0.05%	3.63%	6.19%	-2.12%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4600.00	0.00%	1.72%	-9.72%	-6.08%		
Nhôm	USD/ton	2792.00	0.34%	0.18%	1.34%	13.68%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	145.00	1.40%	6.23%	13.28%	-28.92%		HPG
Than đá	USD/ton	403.00	-2.95%	-5.62%	6.90%	228.31%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng 0.89% lên 120.57 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 0.77% lên 119.41 USD/thùng, mức cao nhất kể từ ngày 08/3.
- Giá dầu tăng khi thị trường cân bằng tâm lý rủi ro với những lo ngại về nguồn cung và triển vọng nhu cầu khởi sắc giữa lúc Trung Quốc nới lỏng các biện pháp hạn chế Covid-19.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 0.04% lên 1,852.7 USD/ounce. Giá vàng giao tháng 8 cũng tăng 0.14% lên 1,854.7 USD.
- Giá vàng đã tăng sau khi lo ngại về lạm phát leo thang thúc đẩy nhu cầu đối với kim loại quý an toàn và sự hỗ trợ từ sự sụt giảm của lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn giao tháng 6/2022 ghi nhận mức 256.6 yen/kg, giảm 1.08% (tương đương 2.8 yen/kg)
- Giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 6/2022 được điều chỉnh xuống mức 12,940 nhân dân tệ/tấn, giảm 0.35% (tương đương 45 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 7/2022 được ghi nhận tại mức 2,109 USD/tấn sau khi giảm 1.13% (tương đương 24 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 7/2022 tại New York đạt mức 232.15 US cent/pound, giảm 2.27% (tương đương 5.40 US cent).

	8/6	% 8/6	7/6	% 7/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1307.91	1.28%	1291.35	0.10%	0.65%	3.02%
S&P 500			4160.68	0.95%	0.69%	0.33%
HĐTL S&P500	4142.00	-0.40%	4158.75	0.93%	1.05%	0.55%
Shang- hai	3263.79	0.68%	3241.76	0.17%	2.43%	8.74%
Euro Stoxx	3809.84	0.08%	3806.74	-0.83%	1.34%	8.02%

Phân tích kỹ thuật

GVR_Tín hiệu hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên
 - Chỉ báo RSI: Xu hướng hồi phục

Nhận định: GVR có một phiên tăng điểm tốt với gap tăng và mẫu hình nền Marubozu hoàn hảo. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên, chỉ RSI từ vùng quá bán đi lên cho thấy xu hướng hồi phục trở lại. Đường giá cổ phiếu nằm dưới MA(50) và MA(100) tuy nhiên lại nằm trên đường MA(20) cho thấy tín hiệu hồi phục mạnh mẽ. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 27.05, chốt lãi tại ngưỡng 33.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 24.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

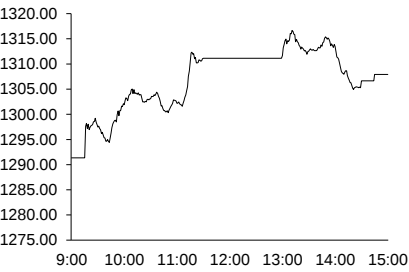
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	3.74%
Dịch vụ tài chính	3.34%
Ô tô và phụ tùng	2.73%
Xây dựng và Vật liệu	2.49%
Ngân hàng	1.71%
Bán lẻ	1.35%
Bất động sản	1.18%
Y tế	1.15%
Du lịch và Giải trí	1.02%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.95%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.93%
Truyền thông	0.91%
Bảo hiểm	0.64%
Thực phẩm và đồ uống	0.49%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.26%
Dầu khí	0.02%
Tài nguyên Cơ bản	0.00%
Viễn thông	0.00%
Công nghệ Thông tin	-0.07%

Hình 1

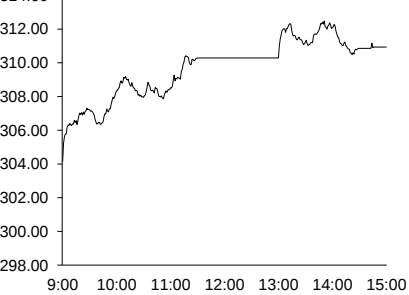
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

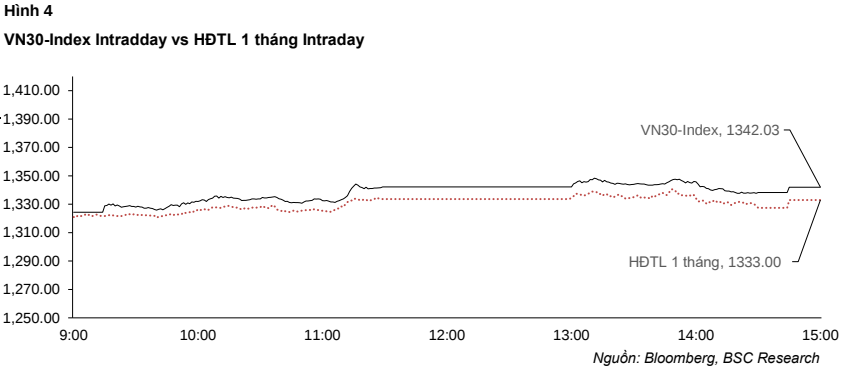
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	77.7	1	1.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	26	2	3.59%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	56.6	8	3.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	52.7	9	-4.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/27/2022	MWG	146.7	162	136.7	153.4	12	4.57%	Có thể tiếp tục mua
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	25	13	-1.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/25/2022	FRT	82.7	104.6	76.3	102.7	14	24.18%	Cần nhắc không mua thêm (**)
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	41.85	21	19.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	2	9.49%	-2.94%	6.38%	10
Cổ phiếu đã chốt	246	212	7.19%	-7.57%	4.32%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1333.00	1.37%	-9.03	-4.0%	267,430	6/16/2022	10
VN30F2207	1331.40	1.56%	-10.63	26.0%	1,417	7/21/2022	45
VN30F2209	1329.60	2.27%	-12.43	403.1%	161	9/15/2022	101
VN30F2212	1331.50	2.56%	-10.53	-72.3%	123	12/15/2022	192

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 17.66 điểm lên 1342.03 điểm. Các cổ phiếu như VPB, STB, TCB, MBB và ACB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Mức biến động hiện tại của VN30 phù hợp để các nhà đầu tư thực hiện chiến lược giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở cũng có sự cân bằng tương tự khi các HĐ VN30F2206 và VN30F2212 tăng, VN30F2205 và VN30F2209 giảm so với phiên trước đó. Việc tăng điểm mạnh trong phiên hôm nay cho thấy tín hiệu tích cực của thị trường, tuy nhiên mức biến động hiện tại của VN30 vẫn nằm trong vùng tâm lý 1340-1350.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2203	9/26/2022	110	2:1	34,700	33.21%	1,900	340	41.67%	149	2.28	40,300	35,500	27,950
CSTB2207	8/22/2022	75	5:1	708,300	43.55%	1,000	240	33.33%	15	15.61	29,688	28,888	21,600
CSTB2209	10/19/2022	133	3:1	116,300	43.55%	2,400	500	31.58%	43	11.52	36,440	32,000	21,600
CKDH2202	6/24/2022	16	4:1	107,700	36.33%	2,080	90	28.57%	0	189.75	55,560	52,000	41,300
CTCB2205	10/19/2022	133	5:1	158,600	30.76%	2,300	880	12.82%	106	8.30	49,950	46,500	37,250
CACB2203	10/19/2022	133	3:1	82,200	27.94%	2,500	1,700	11.11%	63	26.94	35,550	33,000	25,700
CHDB2203	8/15/2022	68	5:1	57,300	38.29%	1,100	420	10.53%	119	3.54	33,238	28,888	25,950
CHDB2203	8/15/2022	68	5:1	57,300	38.29%	1,100	420	10.53%	119	3.54	33,238	28,888	25,950
CVRE2201	9/20/2022	104	4:1	338,300	38.40%	1,200	540	10.20%	330	1.64	41,000	34,000	30,400
CHDB2201	9/21/2022	105	5:1	172,000	38.38%	1,500	460	9.52%	141	3.25	34,749	30,999	25,950
CVPB2201	9/20/2022	104	5:1	255,200	36.07%	1,300	610	7.02%	180	3.39	44,250	37,000	31,800
CVHM2202	9/20/2022	104	8:1	94,200	26.50%	1,700	250	4.17%	10	26.04	111,320	93,000	68,500
CVHM2115	8/17/2022	70	10:1	85,000	26.50%	1,230	250	4.17%	1	200.73	106,000	94,000	68,500
CKDH2206	9/20/2022	104	8:1	757,700	36.33%	1,100	320	3.23%	60	5.35	60,999	52,999	41,300
CHPG2206	8/15/2022	68	10:1	199,500	33.05%	1,000	120	0.00%	1	157.17	111,488	48,888	32,900
CVHM2113	7/1/2022	23	5:1	550,900	26.62%	3,270	40	0.00%	0	2,924.05	93,700	90,000	68,500
CHPG2201	10/21/2022	135	10:1	244,500	33.05%	1,300	210	-4.55%	9	23.47	63,466	49,666	32,900
CVHM2205	8/15/2022	68	16:1	604,100	26.50%	1,000	330	-5.71%	32	10.31	89,608	78,888	68,500
CHPG2203	9/20/2022	104	4:1	388,600	33.05%	2,200	180	-10.00%	4	46.62	53,780	51,500	32,900
CVHM2203	6/24/2022	16	10:1	120,400	26.50%	1,450	100	-23.08%	0	1,958.92	94,700	83,000	68,500
Tổng				5,098,100	34.06%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 08/06/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CKDH2202 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 146.91% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 2.00%, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.48% thị trường.
- CPNJ2201 ,CHDB2205, CMWG2203 và CMWG2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPOW2203, CNVL2201, CNVL2202 và CFPT2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	153.4	0.3%	0.7	4,881	14.0	7,030	21.8	5.0	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	128.0	0.0%	0.7	1,349	8.8	5,443	23.5	3.9	48.8%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	55.4	-1.2%	1.4	1,788	3.8	2,529	21.9	1.9	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	53.0	3.1%	0.6	540	0.6	3,644	14.5	1.6	58.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	78.1	0.1%	0.5	12,951	4.9	(578)	N/A	2.8	12.4%	-2.4%
VRE	Bất động sản	30.4	1.7%	1.1	3,003	2.9	401	75.8	2.2	31.0%	3.0%
VHM	Bất động sản	68.5	0.0%	0.8	12,968	6.2	8,786	7.8	2.3	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	23.2	6.9%	1.5	611	6.0	1,503	15.4	1.5	30.8%	11.3%
SSI	Chứng khoán	29.3	3.9%	1.6	1,265	19.1	3,023	9.7	1.9	34.6%	22.6%
VCI	Chứng khoán	41.9	6.9%	1.0	610	12.1	4,884	8.6	1.9	18.9%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.7	3.7%	1.6	470	3.6	2,619	9.0	1.4	42.5%	17.9%
FPT	Công nghệ	115.0	-0.5%	1.0	4,571	13.4	5,152	22.3	5.4	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	71.0	0.0%	0.4	1,014	0.1	4,926	14.4	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	128.9	-0.8%	1.0	10,726	9.6	5,109	25.2	4.5	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	46.9	0.3%	1.5	2,588	4.2	1,950	24.0	2.3	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	32.0	-3.0%	1.6	665	19.5	1,408	22.7	1.3	9.4%	5.5%
BSR	Dầu khí	31.2	-1.6%	0.8	4,206	18.7	2,108	14.8	2.6	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.2	0.8%	0.3	524	0.1	6,105	15.1	3.4	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	66.8	-1.0%	1.2	1,137	17.8	12,920	5.2	2.1	15.4%	50.2%
DCM	Hóa chất	42.3	-0.6%	1.2	972	14.0	5,643	7.5	2.5	10.0%	38.9%
VCB	Ngân hàng	79.2	-2.2%	0.8	16,296	4.1	4,855	16.3	3.2	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	34.3	2.1%	1.2	7,544	1.5	2,266	15.1	2.0	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.7	1.1%	1.5	5,788	6.4	2,558	10.8	1.4	26.2%	13.0%
VPB	Ngân hàng	31.8	4.4%	1.2	6,146	25.8	3,874	8.2	1.6	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	28.0	3.7%	1.3	4,591	14.2	3,623	7.7	1.7	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	25.7	3.0%	1.1	3,774	4.9	3,081	8.3	1.8	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	59.2	1.2%	0.7	211	0.1	3,150	18.8	2.0	85.7%	10.7%
NTP	Nhựa	43.5	-0.5%	0.5	223	0.1	3,990	10.9	1.8	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	21.5	2.4%	1.5	1,027	0.3	178	120.8	1.7	10.1%	1.4%
HPG	Thép	32.9	-0.9%	1.1	6,398	35.7	7,443	4.4	1.5	21.0%	40.4%
HSG	Thép	21.0	2.7%	1.5	451	6.1	7,157	2.9	0.9	7.1%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	71.0	0.6%	0.6	6,452	5.3	4,390	16.2	4.6	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	159.7	-0.1%	0.8	4,453	1.4	5,969	26.8	4.8	62.6%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	119.3	1.2%	1.0	7,348	6.9	7,041	16.9	6.1	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.2	-0.3%	1.6	498	2.8	1,144	15.9	1.4	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	84.8	0.2%	0.8	8,026	0.1	363	233.7	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.0	0.2%	1.1	2,991	3.6	361	351.4	4.0	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	18.1	2.3%	1.7	1,738	1.0	(5,210)	N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	60.1	-2.1%	1.0	788	7.6	2,256	26.6	2.7	44.9%	10.8%
PVT	Vận tải	23.3	0.2%	1.4	328	5.6	2,088	11.2	1.4	11.8%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.0	1.7%	0.8	612	0.4	10,540	8.3	2.7	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	44.5	7.0%	0.8	867	3.5	3,677	12.1	2.6	4.4%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.1	3.0%	1.1	284	1.1	783	21.8	1.3	1.8%	5.6%
CTD	Xây dựng	56.6	2.2%	1.3	182	1.6	(27)	N/A	N/A	45.4%	0.0%
CII	Xây dựng	21.3	2.4%	1.3	234	3.9	1,266	16.8	1.0	10.5%	6.1%
REE	Điện	98.3	2.4%	-1.4	1,519	6.1	5,994	16.4	2.6	49.0%	16.7%
PC1	Điện	41.5	-1.2%	-0.4	424	3.8	3,238	12.8	2.0	5.0%	16.9%
POW	Điện	15.4	4.4%	0.6	1,568	17.7	859	17.9	1.2	2.2%	6.9%
NT2	Điện	26.0	2.0%	0.7	325	2.6	1,933	13.5	1.7	14.2%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	44.8	4.2%	1.5	1,121	6.6	1,154	38.8	1.8	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	72.0	1%	0.9	3,240	0.7	1,190	60.5	4.5	2.6%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	27.05	6.92	1.79	2.88MLN
VPB	31.80	4.43	1.56	19.01MLN
MBB	27.95	3.71	0.97	11.82MLN
TCB	37.25	2.90	0.94	6.46MLN
BID	34.30	2.08	0.91	982900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-2.18	1.16MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.54	1.70MLN	607060
HPG	0.00	-0.34	24.84MLN	373600
VHC	-0.01	-0.28	3.01MLN	192700
FPT	0.00	-0.14	2.66MLN	611640

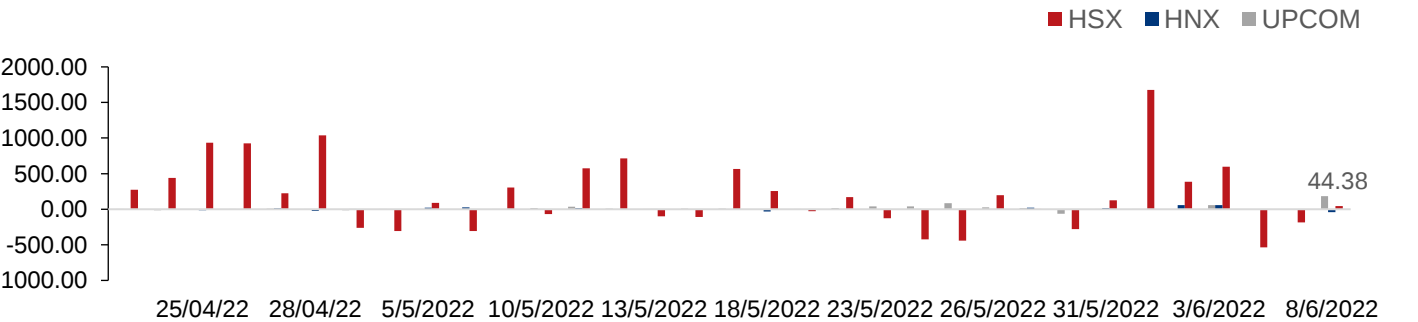
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGW	139.10	7.00	0.21	1.90MLN
JVC	6.43	6.99	0.01	947200
LDG	12.25	6.99	0.05	2.62MLN
PAN	26.05	6.98	0.09	1.81MLN
MSH	59.80	6.98	0.05	127400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	22.15	-6.93	-0.01	8900
TNC	47.75	-6.92	-0.02	200
VHC	108.00	-5.26	-0.28	3.01MLN
ADS	27.40	-5.19	-0.02	352800
TTE	14.90	-5.10	-0.01	3800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	90.4	4,228	21.4	6.0	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	128.0	5,443	23.5	3.9	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.1	1,701	8.8	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.0	1,933	13.5	1.7	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	85.2	10,029	8.5	1.6	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	102.7	4,874	21.1	6.7	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	41.5	3,238	12.8	2.0	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.0	-129	#N/A N/A	0.8	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	115.0	5,152	22.3	5.4	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	31.7	2,466	12.9	2.0	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	22.3	9,632	2.3	0.9	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	15.4	859	17.9	1.2	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	128.0	5,443	23.5	3.9	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	153.4	7,030	21.8	5.0	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	23.3	2,088	11.2	1.4	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	128.0	8,710	14.7	6.5	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	32.9	7,443	4.4	1.5	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	44.8	1,154	38.8	1.8	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	29.5	5,084	5.8	1.9	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	23.2	1,503	15.4	1.5	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	139.1	8,596	16.2	6.2	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	57.0	2,136	26.7	2.9	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	32.5	2,701	12.0	2.2	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	108.0	8,331	13.0	3.1	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	32.7	1,941	16.8	1.5	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	53.0	3,644	14.5	1.6	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	32.0	1,408	22.7	1.3	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	128.9	5,109	25.2	4.5	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.0	3,141	7.0	1.4	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	56.6	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.1	1,701	8.8	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.8	1,350	8.7	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.8	1,350	8.7	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	14.1	2,433	5.8	1.1	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	128.0	5,443	23.5	3.9	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	128.0	5,443	23.5	3.9	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	153.4	7,030	21.8	5.0	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	57.6	2,762	20.9	4.1	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	44.1	1,900	23.2	1.9	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	31.2	2,108	14.8	2.6	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	19.9	1,034	19.2	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	108.0	8,331	13.0	3.1	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	41.2	2,916	14.1	2.2	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.4	689	20.9	1.1	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	25.0	2,054	12.2	1.2	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	52.5	3661.8	14.3	2.1	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	26.0	1,933	13.5	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
7	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
10	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
12	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
13	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
15	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
16	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
17	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
19	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
22	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
25	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
30	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
32	Banking Sector Outlook		x	Click
33	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
34	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
35	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
36	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
37	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
38	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
39	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
40	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
41	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
42	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
43	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
44	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639